ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41 /QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình: Nhóm 1, nhóm 2, công trình phụ trợ cho các xã thuộc huyện Kiến Xương và huyện Đông Hưng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013; số 1411/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về việc bổ sung một số nội dung về chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, năm 2014;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 01/TTr-VPĐP ngày 06/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình: Nhóm 1, nhóm 2, công trình phụ trợ cho các xã thuộc huyện Kiến Xương và huyện Đông Hưng, với tổng khối lượng bổ sung 3.137,8 tấn (04 xã), cụ thể:

- Huyện Kiến Xương: 2.969,7 tấn (02 xã);
- Huyện Đông Hưng: 168,1 tấn (02 xã);

(Có Phụ lục 1, 2, 3 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho các xã thuộc huyện Kiến Xương và huyện Đông Hưng được phê duyệt trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ theo đơn vị xã; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các xã theo kế hoạch được duyệt;

- Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng và Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1: Thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thực hiện thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ đảm bảo quy định; quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành chuyên môn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Báo Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục 1

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH: NHÓM 1, NHÓM 2 CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ CHO CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN: KIẾN XƯƠNG VÀ ĐÔNG HƯNG

(Kèm theo Quyết định số 41 /QĐ-UBND ngày 09 /01/2015 của UBND tỉnh).

STT	HUYỆN/XÃ	KHỐI LƯỢNG XI MĂNG (tấn)	GHI CHÚ
	Tổng cộng (04 xã)	**3.137,8**	
I	**Kiến Xương (02 xã)**	**2.969,7**	
1	Quang Trung	2.719,2	
2	Vũ Thắng	250,5	
II	**Đông Hưng (02 xã)**	**168,1**	
1	Hồng Giang	145,0	
2	Hoa Nam	23,1	

Phụ lục 2:

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN KIẾN XƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 47 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (02 xã)			**2.969,7**
1	**Xã Quang Trung**			**2.719,2**
*	**Đường giao thông nội đồng trục chính**	**13.281**		**2.454,8**
	Từ nhà ông Kiểm - Đồng Nê (kè 02 bên)	725	***Bm 3,5m;BTM 200; dày 14cm; dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	140,7
	Bà Kim - Hố Rác (Kè 2 bên)	782		151,7
	Từ ông Chuyên - Gềnh (Kè 2 bên)	853		165,5
	Từ ông Khâm - Mố đò (Kè 2 bên)	505		98,0
	Từ ngõ ông Vinh - Cao Đồng	732	***Bm 3,5m;BTM 200; dày 14cm, kè 01 bên; 1 bên là mương***	133,8
	Từ nhà ông Thân - Đồng Nê	853		155,9
	Từ nhà cô Huyền - Đồng Quan	673		123,0
	Từ cửa ông Bằng - sông Lâm Giang	349		63,8
	Từ ông Khâm - Nghĩa Trang	333		60,9
	Từ nhà ông Đề - bể lắng	976	(kè 01 bên dài 900m; 01 bên là sông không kè)	177,5
	Đảo mỏ - bể lắng	795	(kè 1 bên 795m; 1 bên là sông)	145,3
	Gốc Bàng - bể lắng	365	(Kè 1 bên 365m; 1 bên là mương)	66,7
	Từ ông Thu - sông Lâm Giang	470	(Kè 551m, trong đó kè 1 bên 460m; 1 bên là mương + ruộng kè 91m)	86,8
	Từ nhà ông Chí - sông Lâm Giang	418	(Kè 1 bên 408m; 1 bên mương)	76,3
	Nghĩa trang - Rộc Cồn	578	(Kè 1 bên 435m; 1 bên sông)	104,0
	Đường số 7- hố rác	264	(Kè 1 bên 150m; 1 bên mương)	47,0
	Từ Bà Tân - sông Nê	696	(kè 01 bên; 1 bên là mương cứng)	127,2
	Từ ông Lịch - Sách Lạch	630	(590m kè 01 bên, 1 bên là mương; 40m không phải xây kè 2 bên)	114,7
	Từ ông Bàng - hố rác	853	(kè 01 bên 813m; 1 bên là mương)	155,4
	Ông Cờ - đường giao thông trục xã thôn Trà Đông	140	(xây kè 1 bên 140m; 1 bên không xây kè)	25,6
	Đào mỏ - bánh lái thôn Trà Đông	340	(xây kè 1 bên 340m; 1 bên mương chỉ xây kè 44m; tổng xây kè 384m)	62,6
	Từ nhà ông Hùng - miếu thôn Mỹ Nguyên	288	(1 bên mương; 1 bên ruộng chỉ cần xây 232,4m)	52,0
	Từ nhà anh Thặng - gồ cây bàng thôn Mỹ Nguyên	319	(1 bên mương; 1 bên ruộng cần xây 281 m)	57,9
	Ông Khanh - thôn Thượng Phúc	344	(bên tây đường kè 180m; bên đông đường kè 133,5m; tổng 313,5 m)	62,5
*	**Đường giao thông trục thôn**			**44,4**
	Cửa đình - bà Khiên	264	***Bm 3,0m; BT M200; dày 16cm***	44,4
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**			**220,0**
	Bm 3,0m	***88***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***12,9***

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m,m2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Từ nhà Anh Duẩn - bà Khang	88		12,9
	Bm 2,5m	***1.683***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***207,1***
	Từ nhà ông Lựu - ông Chổm	81		10,0
	Từ nhà ông Cấp -Bà Sặm	368		45,3
	Từ Bà Khiên - ông Chuyên	283		34,8
	Từ ông Tảo - ông Tiến	272		33,5
	Từ Bà Liên - ông Huấn	215		26,4
	Từ nhà ông Thuyên - Bà Mùi	40		4,9
	Từ nhà ông Đích ông Nam	99		12,2
	Từ nhà ông Việt - ông Thu	124		15,3
	Từ nhà ông Tuấn - ông Chí	167		20,5
	Từ nhà ông Việt - ông Cầu	34		4,2
2	**Xã Vũ Thắng**			**250,5**
*	**Đường giao thông nội đồng trục chính**			**69,8**
	Từ nhà ông Thông- Cầu ba	360	***Bm 3,5m;BTM 200; dày 14cm; dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	69,8
*	**Đường giao thông nhánh cấp 1 trục thôn**			**180,7**
	Bm 3,0m	***982***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***144,4***
	Đường 219-Cống T30	532		78,2
	Từ nhà ông Đức- bà Xiển	170		25,0
	Nhà trẻ- Chùa Tây	280		41,2
	Bm 2,5m	***295***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***36,3***
	Từ nhà ông Tâm- ông Hợi	102		12,6
	Từ nhà ông Thụy- Ngõ bà Hiến	60		7,4
	Từ nhà bà Xiển- ông Tấn	133		16,4

Phụ lục 3:

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN ĐÔNG HƯNG

(Kèm theo Quyết định số 41 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (02 xã)	**168,1**
1	**Xã Hồng Giang**	**145,0**
*	**Công trình nhóm 2**	**101,2**
	Trạm y tế xã	101,2
*	**Công trình phụ trợ nhóm 2**	**43,8**
	Phụ trợ trạm y tế xã (sân, tường, cổng, lán xe, bồn hoa)	43,8
2	**Xã Hoa Nam**	**23,1**
*	**Công trình phụ trợ nhóm 2**	**23,1**
	Trường Tiểu học xã	23,1

Văn bản được ký số bởi: Văn phòng UBND tỉnh
Thời gian ký số: 10/01/2015 15:37:06